

2/ Anh T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: khu vực 1, phường 3, thành phố V, tỉnh H.
(Vắng mặt)

3/ Anh P, sinh năm 1990. Nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện P, thành phố C. (Vắng mặt)

4/ Anh L, sinh năm 1984. Nơi cư trú: ấp L, thị trấn R, huyện C, tỉnh H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

H và D là bạn bè quen biết nhau. H biết D có thể thuê người khác làm giả các loại giấy tờ xe ô tô nên thuê D làm giả các giấy tờ cụ thể như sau:

Tháng 11/2020 H đến gặp bạn tên N để thuê một xe ô tô làm phương tiện đi lại. Anh N thông báo cho anh T, sinh năm: 1980 ở khu vực 1, phường 3, thành phố V, tỉnh H để anh H đem xe ô tô hiệu KIA 04 chỗ có biển số 95A-061.48 cho H thuê, giá 500.000 đồng/ ngày, thời hạn thuê 1 tháng nhưng không làm hợp đồng thuê. Khi giao xe anh H đưa cho T: 01 giấy chứng nhận đăng kiểm, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 95A-061.48 do anh X, sinh năm: 1988 ngụ khu vực 4, phường 3, thành phố V, tỉnh H đứng tên trên giấy chứng nhận và xe đã được thế chấp tại ngân hàng Quốc tế VIB Cần Thơ.

Khi H thuê xe được 10 ngày thì đóng tiền thuê xe cho anh T rồi tiếp tục sử dụng xe trên theo thỏa thuận như đã thuê. Sau đó, do cần tiền trả nợ H nhờ bạn tên L giới thiệu chỗ cầm xe, H nói dối với L là xe của công ty H và H được công ty ủy quyền cho H sử dụng; anh L đồng ý tìm chỗ cầm xe cho H.

H liên điện thoại cho D nhờ làm giả 01 hợp đồng ủy quyền có công chứng với nội dung là Hợp đồng quyền quyết định, sử dụng xe ô tô biển số 95A-061.48 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 95A-061.48 với số tiền 7.000.000 đồng. D đồng ý. D lên Facebook thuê 01 trang mạng làm giả các giấy tờ trên cho H với giá 7.000.000 đồng. Khoảng 2 ngày sau, H có được các giấy tờ giả gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 95A-061.48 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hậu Giang cấp và 01 hợp đồng ủy quyền có công chứng của Văn phòng công chứng S. Đạt cho địa chỉ H để gửi các giấy tờ trên bằng xe khách cho H nhận.

Khi có các giấy tờ giả, H gặp anh L để đến gặp anh P, sinh năm: 1990 ngụ ấp N, xã N, huyện P, thành phố C (P là bà con bên vợ của L) để cầm xe nhưng anh P không đủ tiền nên P mới giới thiệu cho anh V, sinh năm: 1993 ngụ tổ 05, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh V.

Đến ngày 17/12/2020 anh P dẫn H và anh L đến nhà anh V để cầm xe 95A-061.48. H đưa cho anh V xem 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 95A-061.48 và 01 hợp đồng ủy quyền (tất cả đều là giấy tờ giả do D làm trước đó) và 01 giấy chứng nhận đăng kiểm. Anh V nghĩ là giấy tờ thật và hợp lệ nên đồng ý cầm xe với số tiền 300.000.000 đồng; lãi suất 6%/tháng; thời hạn 01 tháng. Sau khi cầm được xe, H lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Đến giữa tháng 01/2021, anh N và anh T (là người cho H thuê xe) biết H đã cầm xe cho anh V nên đến gặp anh V nói rõ H thuê xe của anh T rồi đem đi cầm và anh xin nhận lại xe thì anh V mới biết đã bị H lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên anh V đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Tân trình báo.

Căn cứ vào kết luận giám định số 303/KLGD – PC 09 ngày 18/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận:

- Hình dấu tròn cần giám định trên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012423, cấp ngày 07/7/2020, so với hình dấu tròn của Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Hậu Giang dùng để đóng dấu trên giấy chứng nhận đăng ký xe là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên Đại tá Võ Chí Thanh dưới mục “TRƯỞNG PHÒNG” trên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012423, cấp ngày 07/7/2020, so với chữ ký của đại tá Võ Chí Thanh trên tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn dưới mục “CÔNG CHỨNG VIÊN” trên “HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN” ngày 16/11/2020, so với hình dấu tròn của văn phòng công chứng Lâm Thị Lệ Hoa trên tài liệu mẫu so sánh, là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ viết họ tên “Trần Minh Hiếu” dưới mục “BÊN ỦY QUYỀN (BÊN A)” trên “HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN” ngày 16/11/2020 so với chữ viết của Trần Minh Hiếu trên tài liệu mẫu so sánh, là không phải do cùng một người viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Trần Minh Hiếu trên tài liệu cần giám định so với chữ ký mang tên Trần Minh Hiếu trên tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không (do chữ ký không đồng dạng)

Qua điều tra, H và D thừa nhận toàn bộ hành vi như nêu trên.

Xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Bình Tân ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; ra Quyết định khởi tố bị can đối với D về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh được như sau:

- Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 95A-061.48 có chữ ký của đại tá Võ Chí Thanh và dấu màu đỏ của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh Hậu Giang; 01 hợp đồng ủy quyền ngày 16/11/2020 có chữ ký của công chứng viên và dấu đỏ của văn phòng Công chứng S là giấy giả.

- Đối với anh L, P có giới thiệu và đi chung với H gặp anh V để cho H cầm xe nhưng anh L và anh P không biết H sử dụng các giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với người thanh niên trên mạng Facebook mà bị can D thuê làm giấy tờ giả, D không biết họ tên và địa chỉ cụ thể ở đâu nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ xử lý sau.

- Hợp thuê xe ô tô biển số 95A-061.48 của anh T trên địa bàn tỉnh Hậu Giang rồi đem xe đi cầm, hành vi của H có dấu hiệu tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Tân đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hậu Giang thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh V yêu cầu H trả lại số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi 1 tháng cầm xe là 18.000.000 đồng. H đã bồi thường cho anh V số tiền 5.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền anh V yêu cầu H bồi thường tiếp số tiền còn lại là 313.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKSBT ngày 17/12/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị can H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). D về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo H, D đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; 54; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo H từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 02 tội mà bị cáo phải chấp hành là từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 02/2022/HS-ST ngày 13/01/2022 của Tòa án quận Bình Thủy xử phạt bị cáo H là 10 (mười) năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo D từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù

Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo H bồi thường cho anh V số tiền 295.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu hồ sơ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 95A-061.48 có chữ ký của đại tá Võ Chí Thanh và dấu màu đỏ của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh Hậu Giang; 01 hợp đồng ủy quyền ngày 16/11/2020 có chữ ký của công chứng viên và dấu đỏ của văn phòng Công chứng S, kết luận giám định là giấy giả.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo D và H mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo H nộp 14.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố.

Anh V trình bày: Tôi yêu cầu bị cáo H bồi thường tiền tôi đã cầm xe 95A-061.48 cho bị cáo với số tiền là 300.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường trước đó cho tôi 5.000.000 đồng. Nay tôi tiếp tục yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền còn lại là 295.000.000 đồng.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo H trình bày: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hứa sau khi chấp hành án xong sẽ đi làm kiếm tiền trả cho phía bị hại.

Bị cáo D trình bày: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Bình Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, đủ cơ sở kết luận nên khoảng tháng 11/2020 bị cáo H thuê xe ô tô biển số 95A-061.48 của anh T để làm phương tiện đi lại. Nhưng do cần tiền trả nợ nên bị cáo H thuê bị cáo D làm giả 01 hợp đồng ủy quyền có công chứng cho H toàn quyền quyết định, sử dụng xe ô tô biển số 95A-061.48 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe với số tiền 7.000.000 đồng. Bị cáo D mới lên mạng Facebook thuê 01 người thanh niên không rõ tên và lý lịch để làm giả các giấy tờ trên cho H.

Sau khi có các giấy tờ giả gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 95A-061.48 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hậu Giang cấp và 01 hợp đồng ủy quyền có công chứng của văn phòng công chứng S. Đến ngày 17/12/2020 bị cáo H đem xe ô tô biển số 95A-061.48 cùng giấy tờ giả trên đến tổ 05, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cầm xe ô tô cho anh V. Anh V nghĩ là giấy tờ thật nên đồng ý cầm xe với số tiền 300.000.000 đồng. Đến giữa tháng 01/2021, anh T biết H đã cầm xe ô tô của anh cho anh V nên đến gặp anh V và xin nhận lại xe. Lúc này, anh V biết

H lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Tân trình báo.

Hành vi trên của H, D đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra H còn phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trong Bản cáo trạng số 03/CT-VKSBT ngày 17/12/2021 cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Vì muốn có tiền sử dụng nên các bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Trong vụ án này, bị cáo H và D là đồng phạm với nhau về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Riêng tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thì bị cáo H thực hiện hành vi một mình, không có D tham gia cùng. Chính vì vậy, cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, bằng việc cách ly khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe giáo dục đối với bị cáo và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống và ngăn ngừa đối với loại tội phạm này.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại V số tiền 5 triệu đồng. Ngoài ra, bị cáo có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 03/12/2021 về gia đình có công cách mạng: ông nội Nguyễn Văn Thắm, cha Nguyễn Hoàng Hoanh tham gia cách mạng còn cậu ruột và chú ruột là liệt sĩ. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với bị cáo. Còn bị cáo D cũng đã thành khẩn khai báo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy cần áp dụng cho bị cáo D khi quyết định hình phạt.

Xét các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; nhân thân tốt có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Đối với hành vi mà bị cáo H thuê xe ô tô biển số 95A-061.48 của anh T trên địa bàn tỉnh Hậu Giang rồi đem xe đi cầm, hành vi của H có dấu hiệu tội phạm. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hậu Giang đang thụ lý điều tra theo thẩm quyền. Không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Đối với anh L, P có giới thiệu và đi chung với H gặp anh V để cầm xe nhưng anh L và anh P không biết H sử dụng các giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Đối với người thanh niên trên mạng Facebook mà bị can D thuê làm giấy tờ giả, D không biết họ tên và địa chỉ cụ thể ở đâu nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ xử lý sau.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự

Tại phiên tòa, anh V yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền mà anh đã cầm xe 95A-061.48 là 300.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường cho anh số tiền 5.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong, nay anh V yêu cầu bị cáo H bồi thường tiếp số tiền còn lại là 295.000.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 95A-061.48 có chữ ký của đại tá Võ Chí Thanh và dấu màu đỏ của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh Hậu Giang; 01 hợp đồng ủy quyền ngày 16/11/2020 có chữ ký của công chứng viên và dấu đỏ của văn phòng Công chứng S cần tịch thu lưu hồ sơ

[10] Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và buộc bị cáo H nộp 14.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo D phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1.1. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174; Điều 38, 54; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 341; Điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 55, 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tổng hợp hình phạt của Bản án số 02/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xử phạt bị cáo H là 10 (mười) năm tù. Thời hạn hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 3 năm 2021.

Buộc bị cáo H chấp hành hình phạt chung là 18 năm (mười tám năm) tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 3 năm 2021.

1.2. Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 341; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo H bồi thường số tiền còn lại cho anh V số tiền là 295.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng).

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 95A-061.48 có chữ ký của đại tá Võ Chí Thanh và dấu màu đỏ của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh Hậu Giang; 01 (một) hợp đồng ủy quyền ngày 16/11/2020 có chữ ký của công chứng viên và dấu đỏ của văn phòng Công chứng S.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo H và D mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo H nộp 14.750.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA)
- VKSND tỉnh Vĩnh Long
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Bình Tân
- Công an H.Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG)
- Chi cục THADS huyện Bình Tân
- UBND xã H
- UBND xã G
- Các bị cáo, bị hại
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**